

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương năm 2017 và Quy định tỷ lệ điều tiết các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 152/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ điều tiết các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2017;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 161/TTr-STC ngày 19/12/2016; Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 102/BCTĐ-STP ngày 19/12/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương năm 2017 và Quy định tỷ lệ điều tiết các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2017.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện.


Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hải Phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các cấp, các ngành, các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính ;
- Vụ Pháp chế - BTC;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- Ban KTNS HĐND TP;
- VP: TU, HĐND, UBND TP;
- Công báo HP, Công TTĐT HP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các Quận, Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- CPVP;
- Các phòng CV;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

QUY ĐỊNH

Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương năm 2017

(Ban hành kèm theo Quyết định số **3202**/2016/QĐ-UBND ngày **20**/12/2016
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương 1

PHÂN CẤP NGUỒN THU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 1. Các khoản thu ngân sách thành phố hưởng 100%

- Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) từ các doanh nghiệp Nhà nước Trung ương và địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; thu từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Cục Thuế thành phố Hải Phòng quản lý (hạch toán mã chương 4XX, 5XX);
- Lệ phí môn bài thu từ các doanh nghiệp Nhà nước Trung ương và địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; thu từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Cục Thuế thành phố Hải Phòng quản lý (hạch toán mã chương 4XX, 5XX);
- Tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước do Cục Thuế thành phố Hải Phòng quản lý (hạch toán mã chương 4XX, 5XX);
- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán;
- Các khoản thu hồi vốn của ngân sách thành phố đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp Nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố đại diện chủ sở hữu;
- Thu từ bán tài sản Nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp có vốn của ngân sách thành phố tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp

xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc thành phố quản lý;

- Thu từ Quỹ dự trữ tài chính của địa phương;
- Thu chuyển nguồn ngân sách thành phố từ năm trước chuyển sang;
- Thu kết dư ngân sách thành phố (phần đưa vào thu ngân sách năm sau);
- Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách thành phố;
- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan Nhà nước thuộc thành phố quản lý thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp Nhà nước do Cục Thuế thành phố Hải Phòng quản lý thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật;
- Lệ phí do các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố quản lý thực hiện thu;
- Tiền thu từ xử phạt các vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan Nhà nước thuộc thành phố quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;
- Huy động, đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách thành phố;
- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương;
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thành phố xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;
- Tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của thành phố;
- Các khoản thu khác nộp ngân sách thành phố theo quy định của pháp luật (bao gồm cả khoản thu từ tiền phạt chậm nộp do ngành Thuế, Hải quan cấp thành phố quản lý đối với các đối tượng chậm nộp tiền thuế).

Điều 2. Các khoản thu ngân sách quận, huyện hưởng 100%

- Lệ phí môn bài thu từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế quận, huyện quản lý (hạch toán mã chương 6XX, 7XX);
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp do Chi cục Thuế quận, huyện tổ chức thu;
- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan Nhà nước thuộc quận, huyện quản lý thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự

ng nghiệp công lập và doanh nghiệp Nhà nước do Chi cục Thuế quận, huyện quản lý thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật;

- Lệ phí do các cơ quan, đơn vị thuộc quận, huyện quản lý thực hiện thu;
- Các khoản xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do các đơn vị thuộc quận, huyện trực tiếp xử lý;
- Huy động, đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách quận, huyện;
- Thu kết dư ngân sách quận, huyện;
- Thu chuyển nguồn của ngân sách quận, huyện từ năm trước chuyển sang;
- Thu bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố;
- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật nộp ngân sách quận, huyện theo quy định (bao gồm cả khoản thu từ tiền phạt chậm nộp do ngành thuế, hải quan cấp quận, huyện quản lý đối với các đối tượng chậm nộp tiền thuế).

Điều 3. Các khoản thu ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng 100%

- Lệ phí môn bài của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, các cá nhân, các hộ sản xuất kinh doanh do cấp xã quản lý (hạch toán chương 8XX, 9XX);
- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan Nhà nước thuộc xã, phường, thị trấn quản lý thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp Nhà nước do xã, phường, thị trấn quản lý thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật;
- Lệ phí do các cơ quan, đơn vị thuộc xã, phường, thị trấn quản lý thực hiện thu;
- Các khoản xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do các đơn vị thuộc xã, phường, thị trấn trực tiếp xử lý;
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp do xã, phường, thị trấn quản lý hoặc được ủy quyền thu (kể cả chương 757 nếu được ủy quyền);
- Huy động, đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài

nước cho ngân sách xã, phường, thị trấn;

- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;
- Thu kết dư ngân sách xã, phường, thị trấn;
- Thu chuyển nguồn của ngân sách xã, phường, thị trấn từ năm trước chuyển sang;
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện;
- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương và ngân sách thành phố

- Thuế giá trị gia tăng của các doanh nghiệp Nhà nước Trung ương và địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn; các doanh nghiệp ngoài quốc doanh Cục Thuế thành phố Hải Phòng quản lý (hạch toán mã chương 4XX, 5XX); các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hoá nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp Nhà nước Trung ương và địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn; các doanh nghiệp ngoài quốc doanh Cục Thuế thành phố Hải Phòng quản lý (hạch toán mã chương 4XX, 5XX); các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí);

- Thuế thu nhập cá nhân;

- Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hoá nhập khẩu, bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hoá từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước);

- Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá nhập khẩu);

Điều 5. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương - ngân sách thành phố - ngân sách quận, huyện

- Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế quận, huyện quản lý (hạch toán mã chương 6XX, 7XX);

- Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) thu từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế quận, huyện quản lý (hạch toán mã chương 6XX, 7XX);

Điều 6. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương - ngân sách thành phố - ngân sách quận, huyện - ngân sách xã, phường, thị trấn

- Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do xã, phường, thị trấn quản lý (hạch toán mã chương 8XX, 9XX);

- Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước của các hộ cá nhân kinh doanh;

Điều 7. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách thành phố - ngân sách quận, huyện

- Lệ phí trước bạ do Chi cục Thuế quận, huyện quản lý;

- Tiền sử dụng đất do Chi cục Thuế quận, huyện quản lý;

- Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước do Chi cục Thuế quận, huyện quản lý (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí).

Điều 8. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách thành phố - quận, huyện - ngân sách xã, phường, thị trấn

- Tiền sử dụng đất do các huyện tổ chức thực hiện.

Chương 2

PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố

1. Chi đầu tư phát triển:

- Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do thành phố quản lý;

- Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của thành phố theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp do thành phố quản lý theo quy định của pháp luật;

- Các khoản chi đầu tư phát triển khác do thành phố quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố quản lý trong các lĩnh vực:

- Sự nghiệp giáo dục: Gồm các trường trung học phổ thông, các trường

chuyên biệt và các trường mầm non do thành phố quản lý;

- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: do thành phố quản lý (không kể chi thường xuyên của các Trung tâm Dạy nghề và Giáo dục thường xuyên, các Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị các quận, huyện);

- Sự nghiệp khoa học và công nghệ;

- Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy phân giao cho thành phố quản lý;

- Sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình (bao gồm cả các Bệnh viện đa khoa tuyến huyện, Trung tâm y tế và Trạm y tế);

- Sự nghiệp văn hoá thông tin do thành phố quản lý;

- Sự nghiệp phát thanh, truyền hình do thành phố quản lý;

- Sự nghiệp thể dục thể thao do thành phố quản lý;

- Sự nghiệp bảo vệ môi trường do thành phố quản lý;

- Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; tài nguyên; bảo vệ môi trường; quy hoạch; thương mại, du lịch; hoạt động kiến thiết thị chính; các hoạt động kinh tế khác do thành phố quản lý;

- Hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội do thành phố quản lý;

- Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở địa phương theo quy định của pháp luật do thành phố quản lý;

- Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật do thành phố quản lý;

- Các khoản chi thường xuyên khác do thành phố quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền thành phố vay.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của ngân sách thành phố.

5. Chi bổ sung cho ngân sách quận, huyện:

Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các quận, huyện.

6. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách thành phố.

7. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 9, Điều 9 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015.

Điều 10. Nhiệm vụ chi của ngân sách quận, huyện

1. Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật do quận, huyện quản lý:

- Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do quận, huyện quản lý;

- Các khoản chi đầu tư phát triển khác do quận, huyện quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thuộc quận, huyện quản lý trong các lĩnh vực:

- Sự nghiệp giáo dục: bao gồm chi thường xuyên và tăng cường cơ sở vật chất ở các cấp học: trung học cơ sở, tiểu học, mầm non do quận, huyện quản lý;

- Sự nghiệp đào tạo (bao gồm cả đào tạo lại) và dạy nghề của các Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị, Trung tâm Dạy nghề và Giáo dục thường xuyên do quận, huyện quản lý;

- Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy phân giao cho quận, huyện quản lý;

- Sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình (bao gồm nhiệm vụ chi của các phòng Y tế, các Trung tâm Dân số và Kế hoạch hóa gia đình thuộc quận, huyện);

- Sự nghiệp văn hoá thông tin do quận, huyện quản lý;

- Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh do quận, huyện quản lý;

- Sự nghiệp thể dục thể thao do quận, huyện quản lý;

- Sự nghiệp bảo vệ môi trường do quận, huyện quản lý;

- Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; tài nguyên; quy hoạch; thương mại, du lịch; hoạt động kiến thiết thị chính; các hoạt động kinh tế khác do quận, huyện quản lý;

- Hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội do quận, huyện quản lý;

- Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc quận, huyện quản lý theo quy định của pháp luật;

- Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội do quận, huyện quản lý theo quy định của pháp luật;

- Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

- Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c

khoản 9, Điều 9 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015.

3. Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã:

Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các xã, phường, thị trấn.

Điều 11. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường, thị trấn

1. Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội do xã, thị trấn, phường quản lý.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thuộc xã, phường, thị trấn quản lý trong các lĩnh vực:

- Hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội do xã, phường, thị trấn quản lý;

- Các khoản chi phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố;

- Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật do xã, phường, thị trấn quản lý;

- Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; tài nguyên; quy hoạch; thương mại, du lịch; hoạt động kiến thiết thị chính; các hoạt động kinh tế khác do xã, phường, thị trấn quản lý;

- Sự nghiệp bảo vệ môi trường do xã, phường, thị trấn quản lý;

- Sự nghiệp thể dục thể thao do xã, phường, thị trấn quản lý;

- Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh do xã, phường, thị trấn quản lý;

- Sự nghiệp văn hoá thông tin do xã, phường, thị trấn quản lý;

- Sự nghiệp giáo dục;

- Chi hoạt động sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;

- Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy (Công tác dân quân tự vệ và trật tự, an toàn xã hội ở xã, phường, thị trấn);

- Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc xã, phường, thị trấn quản lý theo quy định của pháp luật;

- Các khoản chi thường xuyên khác do xã, phường, thị trấn quản lý theo quy định của pháp luật.

- Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 9, Điều 9 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015.

Chương 3

THƯỜNG VƯỢT THU CHO CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Căn cứ Báo cáo thu ngân sách của các quận, huyện đến hết ngày 31/12 hàng năm (có xác nhận của Kho bạc Nhà nước), Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố (hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố) quyết định mức thưởng tăng thu đối với các khoản thu phân chia với ngân sách thành phố do ngân sách quận, huyện điều tiết về ngân sách thành phố theo nguyên tắc: Mức thưởng được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số vượt thu nhưng không quá 30% của số tăng thu thưởng cho các địa phương có tăng thu và không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước.

Việc sử dụng tiền thưởng vượt thu ở cấp nào do Ủy ban nhân dân cấp đó trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tùng

QUY ĐỊNH

Về tỷ lệ điều tiết các khoản thu

giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2017

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **3202**/2016/QĐ-UBND ngày **20**/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

Điều 1. Các khoản thu cố định, gồm:

1. Các khoản thu ngân sách thành phố hưởng 100%.
2. Các khoản thu ngân sách quận, huyện hưởng 100%.
3. Các khoản thu ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng 100%.

Điều 2. Các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách:

1. Các khoản thu cân đối ngân sách:

TT	Nội dung	Ngân sách Trung ương %	Ngân sách Thành phố %	Ngân sách quận %	Ngân sách huyện %	Ngân sách phường %	Ngân sách xã, thị trấn %
1	Thuế giá trị gia tăng của các doanh nghiệp Nhà nước trung ương và địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn; các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do cấp thành phố quản lý (hạch toán mã chương 4XX, 5XX); các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hoá nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)	22	78				
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp Nhà nước trung ương và địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn; các doanh nghiệp ngoài quốc doanh Cục Thuế thành phố Hải Phòng quản lý (hạch toán mã chương 4XX, 5XX);	22	78				

TT	Nội dung	Ngân sách Trung ương %	Ngân sách Thành phố %	Ngân sách quận %	Ngân sách huyện %	Ngân sách phường %	Ngân sách xã, thị trấn %
	các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)						
3	Thuế thu nhập cá nhân	22	78				
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu, bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước)	22	78				
5	Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá nhập khẩu)	22	78				
6	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, các hộ cá nhân sản xuất kinh doanh, thuế tài nguyên thu từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh:						
6.1	Do cấp huyện quản lý (hạch toán mã chương 6XX, 7XX):						
	+ Quận Hồng Bàng:	22	26	52			
	+ Quận Ngô Quyền:	22	34	44			
	+ Quận Hải An:	22	18	60			
	+ Quận Lê Chân, Kiến An, Dương Kinh, Đồ Sơn:	22		78			
	+ Các huyện:	22			78		
6.2	Do cấp xã quản lý (hạch toán mã chương 8XX, 9XX):						
	+ Do các phường thuộc quận Hồng Bàng quản lý và tổ chức thu	22	26	46		6	
	+ Do các phường thuộc quận Ngô Quyền quản lý và tổ chức thu	22	34	38		6	
	+ Do các phường thuộc quận Hải An quản lý và tổ chức thu	22	18	50		10	
	+ Do các phường thuộc quận Lê Chân, Kiến An, Dương Kinh, Đồ Sơn quản lý và tổ chức thu	22		68		10	
	+ Do các xã, thị trấn thuộc huyện quản lý và tổ	22			58		20

TT	Nội dung	Ngân sách Trung ương %	Ngân sách Thành phố %	Ngân sách quận %	Ngân sách huyện %	Ngân sách phường %	Ngân sách xã, thị trấn %
	chức thu.						
7	Lệ phí trước bạ do cấp huyện quản lý và tổ chức thu:						
	+ Các quận:		70	30			
	+ Các huyện:		60		40		
8	Tiền thuê đất, thuê mặt nước do cấp huyện quản lý và tổ chức thu:						
	+ Quận Ngô Quyền, Hồng Bàng, Lê Chân:		85	15			
	+ Quận Hải An, Kiến An, Dương Kinh, Đồ Sơn:			100			
	+ Các huyện:				100		

2. Thu tiền sử dụng đất:

2.1. Các dự án được phân cấp cho quận tổ chức thực hiện:

- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng và đầu tư cơ sở hạ tầng trước đấu giá (giao đất): thực hiện ghi thu, ghi chi ngân sách quận (Ghi thu sử dụng đất điều tiết ngân sách quận 100%, ghi chi đầu tư).

- Số tiền còn lại nộp ngân sách Nhà nước (được coi là 100%) điều tiết ngân sách thành phố 80%, ngân sách quận 20%.

2.2. Các dự án được phân cấp cho các huyện tổ chức thực hiện:

- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng và đầu tư cơ sở hạ tầng trước đấu giá (giao đất): thực hiện ghi thu, ghi chi ngân sách huyện (ghi thu sử dụng đất điều tiết ngân sách huyện 100%, ghi chi đầu tư).

- Số tiền còn lại nộp ngân sách Nhà nước và thực hiện điều tiết ngân sách thành phố 10%, ngân sách huyện 50%, ngân sách xã 40%.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH


Nguyễn Văn Tùng